

Mật Tạng Bộ 3\_ No.1174 (Tr.713\_ Tr.716)

## NGŨ TỰ ĐÀ LA NI TỤNG

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty\_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh\_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ\_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí\_ Chùa Đại Hưng Thiện\_ Tam Tạng Sa Môn BẮT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Trong trăm ngàn **Du Già** (Yoga)

Kim Cương Đại Sư nói

**Thánh Mạn Thù Đồng Tử** (Àrya-mamju'srì-kumàra)

**Ngũ Tự Bí Mật Pháp**

Người tu **Tam Muội** (Samàdhi) này

Mau vào các **Phật Tuệ** (Buddha-mati)

Hay dùng thân phàm phu

Thấy thành tựu **thân Phật** (Buddha-kàya)

Pháp này rất bí mật

Đại Sư dùng miệng truyền

Nên mặc giáp Tinh Tiến

Y Pháp chẳng y Người

Pháp Như Lai không hai

Tin trong sạch đặc được

Giống như mưa rưới khắp

Đất màu mỡ tăng trưởng

Mật Giáo của Thế Tôn

Người Trí hợp tu tập

Tính chúng sinh hẹp kém

Mê vào khổ ba cõi (tam hữu)

Tuy nghe Pháp thắng thượng

Chẳng sinh ý dũng tiến

Người Trí sinh thương xót

Vì đây, cầu hiểu trước

Giống như gần núi báu

Người Trí đến chọn lấy

Người ngu biết chẳng đi  
Ngày dài, chịu mọi khổ  
\_ Nếu có nghe Pháp này  
Liên biết lối tối thẳng  
Trụ ở Nguyện to lớn (đại nguyện)  
\_ Nếu có nghe Pháp này  
Run sợ, buồn vui sâu  
Khóc lóc, thân dựng lông  
Người đấy có thể học  
\_ Nếu có nghe Pháp này  
Một lòng liền chẳng loạn  
Các **Căn** sạch, ưa thích  
Người đấy có thể học  
\_ Nếu có nghe Pháp này  
Tuỳ được vị Thiên Duyệt  
Chẳng thích *vui của đời* (thế lạc)  
Người đấy có thể học  
\_ Nếu có nghe Pháp này  
Chẳng đợi Thời với Ngày  
Chẳng cầu Pháp đầy đủ  
Chỉ dùng Tâm tiến thẳng  
Chẳng ở các vật cúng  
*Khổ mong cầu chẳng được*  
Khéo biết Pháp, cúng dường  
Người đấy có thể học  
\_ Lúc tụng tập Chân Ngôn  
Như Vị (mùi vị) **Thiên Cam Lộ** (Cam Lộ của Trời)  
Một lòng đều nguyện nghe  
Người đấy có thể học  
\_ Hai tay kết **Bí Ấn**  
Tưởng làm ân nặng lớn  
Giống như nâng **Tu Di** (Sumeru)  
Người đấy có thể học  
\_ Pháp này, chư Phật vì  
Bậc **Tối Thượng Thừa** nói  
Kẻ căn tính thấp kém  
Nghĩ ngờ chẳng thể tin  
Tính chúng sinh vốn sạch

Sức **Bản Thê** (Samaya) chư Phật  
Dùng **Pháp Ấn** (Dharma-mudra) tương ứng  
Hiện thành các **thân Thánh** (Àrya-kàya)  
Ở trong một chỗ ngồi  
Liên thành Tối Chính Giác  
\_ Nếu người tùy Pháp này  
Nên tin tưởng như vậy  
Hoặc khởi ở một niệm  
Nói *Ta là phàm phu*  
Đồng chê Phật ba đời  
Trong Pháp, kết tội nặng  
\_ Chưa nhận **Quán Đỉnh Vị**  
Với chẳng phải *đồng sự* (người làm chung công việc)  
Chẳng nên vọng xưng nói  
Như giữ ngọc trong tóc  
\_ Như **Kinh** nói nơi chốn  
Hoặc ở **A Luyện Nhã** (Araṇya)  
Sông, ao với bờ biển  
Núi trong sạch nổi tiếng  
Được **Đạo** (Màrga), chuyển **Pháp Luân** (Dharma-cakra:bánh xe Pháp)  
Nơi người Tiên (Ṛṣi) thành tựu  
\_ Chọn đất, dựng tịnh xá  
Tuỳ thuận vào cảnh giới  
Xoa đất: sạch, bằng, tốt  
Rải bày các hoa mùa  
Trợ Pháp như **Luật Nghi** (Saṃvaraḥ)  
Như các Bộ đã nói  
\_ Trong sạch tắm gội **Thể** (thân thể)  
Mặc quần áo thượng diệu  
Xoa hương khiến nghiêm tốt  
Đến ở cửa Tịnh Xá  
Trước tưởng thân hình mình  
Làm **Kim Cương Tát Đồả** (Vajra-satva)  
Tay trái cầm Kim Cương (chày Kim Cương)  
Phải cầm **Kim Cương Khánh** (cái khánh Kim Cương)  
Cánh cửa, xưng chữ **Hồng** (HUM)  
Trợn mắt (nộ mục) trừ *bất tường* (điều chẳng lành)  
\_ Cúi năm vóc sát đất

Kính lễ chân Thế Tôn  
Một lòng xin quy mệnh  
Tác tướng *Phật thường trụ*  
Quy hai gối, thẳng lưng  
Tỏ bày các lỗi lầm  
Dùng câu trong sách này  
Khẩn thành xin Sám Hối

“**An, tát phộc bà phộc, thú đà tát phộc đạt ma, tát phộc bà phộc, thú độ hàm**”

ॐ स्वभाव सुद्ध सर्व धर्म स्वभाव सुद्धं

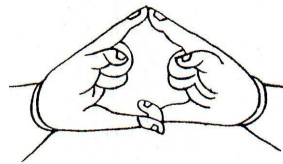
OM – SVABHÀVA 'SUDDHA – SARVA DHARMA SVABHÀVA 'SUDDHA  
UHÀM

Nên ngâm tụng một biến  
Miệng xưng câu chữ **A (ॐ)**  
Vô lượng tội gom chứa  
Trong sạch, không có sót

\_ Tiếp dùng Tâm kiên tỉnh

**Kết Kim Cương Khởi Ấn**

Ngâm tụng Mật Ngữ này  
Triệu tập mười phương Phật  
Hai tay Kim Cương Quyền  
Cùng móc độ Đàn Tuệ (2 ngón út)  
Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng hợp ngón



Ngang tim, ngửa, *tam chiêu* (chiêu với ba lần)

Liên biết các Như Lai

Đều từ Tam Muội khởi

“**An, phộc nhật-lộ để sắt-xá**”

ॐ वज्र तिष्ठा

OM – VAJRA TIṢṬA

Nên quán trong hư không

Chư Phật với chúng Thánh

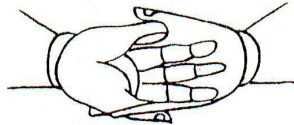
Tràn đầy biển **Pháp Giới** (Dharma-dhàtu)

Không có hở khoảng nào

Đều dùng sức Thệ Nguyệt  
Đều giáng đến **Đạo Trường** (Maṇḍala)

\_ **Kết Kim Cương Trì Ấn**

Tưởng lễ chân chư Phật  
Hai tay cùng chung lưng  
Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) móc



Tưởng lễ các Như Lai  
Quy thẳng (thẳng lưng) bung trên đỉnh  
“**Ấn, phộc nhật-la, vật**”

ॐ वज्रं वः

OM VAJRA VIḤ.

\_ **Pháp ngòi** (toạ pháp) có bốn loại

Tùy việc, tiếp nên làm

Thẳng thân, định chi tiết

**Phu Toạ** (xếp đùi vế bằng phẳng, ngòi ngay thẳng), vành trắng trong

Liên dùng chữ **Ma** (𑖓 \_ MA) **Tra** (𑖔 \_ Ṭ)

Hai mắt làm Nhật (mặt trời) Nguyệt (mặt trăng)

Duỗi phóng lửa Kim Cương

Ngắm nhìn các Như Lai

Tiếp, ngoái nhìn các phương

Đốt trừ loài gây chướng

Tim, lười với hai tay

Chữ **Hồng** (𑖕: HŪM) bốc *sáng vàng* (kim quang)

Giống như các Như Lai

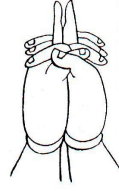
Tướng màu nhiệm **nói Pháp**

\_ Tiếp đối mười phương Phật

**Kết Đại Thệ Nguyệt Ấn**

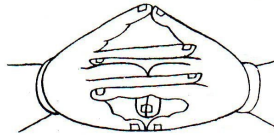
Mười độ (10 ngón tay) Kim Cương Phộc

Dựng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) thành ngọn



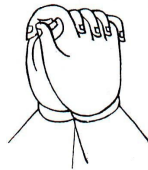
Bày Phật với các Thánh  
Cầu nhớ Nguyên xưa kia  
“**Án, tam ma gia, tát-đát-tông**”  
ॐ समय ष्टवाम्  
OM – SAMAYA STVAM

\_ Tiếp kết **Hoan Hỷ Ấn**  
Hiển Tam Muội ưa thích  
Mười ngón cài chéo ngoài  
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hợp giao trong  
Đàn Tuệ (2 ngón út) và Thiền Trí (2 ngón cái)  
Cùng hợp nhau mà dựng.



“**Án, tam ma gia, hộc, tô lạt đa, tát-đát-tông**”  
ॐ समय ष्टवाम्  
OM – SAMAYA HOH SURATA STVAM

\_ Quán ở trên hai vú  
Phải **Đát La** (ॐ – TRÀ), trái **Tra** (ॐ – T)  
Như cửa nẻo cung thất  
Tụng câu **Bí Ngôn** này  
Liên dùng Kim Cương Phộc  
Ba lần kéo đẩy, mở



“**Án, phộc nhật-la, mẫn đà, đát-la tra**”  
ॐ वज्रवन्द्य  
OM \_ VAJRA BANDHA TRAT

\_ Quán *sen tám cánh* trước  
Chữ A (ॐ) màu sáng trắng  
Hai tay Kim Cương Phộc  
Thiên Trí (2 ngón cái) nhập vào trong  
Tụng Bí Mật Ngôn này  
Chữ chảy vào trong Điện

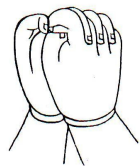


“**Án, phộc nhật-la, phệ xá, ác**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – VAJRA AVI'SA \_ AH

\_ Như **Nhập Tự Ấn** trước  
Độ Tiến Lực (2 ngón trỏ) co trụ  
Dùng **Hạp Tâm Môn** này  
Chữ Trí (ॐ\_AH) được bền chắc



“**Án, phộc nhật-la mẫu sắt-trí, hàm**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM – VAJRA-MUṢṬI \_ VAM

\_ Tiếp kết **Giáng Tam Thế**  
Trụ **Phần Nộ Tam Muội** (Krodha-samàdhi)  
Người muốn làm Pháp này  
Trước trụ **Tâm Đại Bi** (Mahà-kàruṇa-citta)  
Hai tay Kim Cương Quyền  
Đàn Tuệ (2 ngón út) móc ngược nhau  
Độ Tiến Lực (2 ngón trỏ) mở dựng





\_ Nên ngâm tụng một biến  
Liên tưởng làm vành trăng  
Nuốn trong sạch gấp bội  
Tụng Bí Mật Ngôn này  
**“Án, mạo địa tức đa mẫu đất-bả na dạ di ”**  
ॐ वज्रवृक्षस्य धाम  
OM – BODHICITTAM UTPÀDA YÀMI

\_ Ở vành trăng trong sạch  
Quán chủng tử, chữ **Đam** ( ॐ \_DHAM)  
Thành cây kiếm Kim Cương  
Tụng Bí Mật Ngữ này  
**“Án, để sắt-xá, phộc nhật-la, để khát-sắt-noa ”**  
ॐ वज्र वृक्ष ऋतु  
OM – TISṬA VAJRA-TIKṢṆA

\_ Ở vành trăng trong sạch  
Sắc bén đến sáng tỏ  
Tiếp nên dần vòng khắp  
Lớn ngang bằng hư không  
**“Án, tát phá la, phộc nhật-la, để khát-sắt-noa ”**  
ॐ मृग वृक्ष ऋतु  
OM – SPHARA VAJRA-TIKṢṆA  
Cũng chẳng thấy thân mình  
Cùng với tất cả tướng

\_ Tiếp nên dần quán Kiếm (cây kiếm)  
Tụng **Thu Nhiếp** Ngôn này  
**“Án, tăng hạ la, phộc nhật-la, để khát-sắt-noa ”**  
ॐ मृग वृक्ष ऋतु  
OM – SAMHARA VAJRA-TIKṢṆA  
Như Lai ở hư không  
Tuỳ theo Kiếm, nhỏ dần  
Ngang bằng thân mình xong  
Liên thành hình Bản Thánh  
Thân như màu vàng tía  
Làm tướng Diệu Đồng Tử  
Năm búi (tóc) trang điểm đầu

Báu mào: mào Ngũ Phương (mào báu có 5 đức Phật)  
Hữu (tay phải) cầm **Kim Cương Kiếm** (Vajra-khadga:cây Kiếm Kim Cương)  
Trên phát màu lửa rực  
Tay trái cầm sen xanh  
Có Kinh Phạn Bát Nhã  
Trụ các Diệu Sắc Tướng  
Thân ở vành trăng trong

\_ Hành Giả trụ đây xong  
Nên tác suy tư này:  
*“Nay Ta trụ bền chắc  
Thân của **Kim Cương Kiếm** (Vajra-khadga)  
Thân của **Tam Muội Gia** (Samaya)  
**Ma Ha Tam Muội Gia** (Mahà-samaya)  
Các Như Lai ba đời  
Hiện thành **Đẳng Chính Giác**  
Ta trụ Tam Muội này  
Làm thân **Kim Cương Kiếm**”*

\_ Tác suy nghĩ này xong  
Đồng với tụng Mật Ngữ  
Nên kết **Bản Thánh Ấn**  
Gia trì **Tam Muội Hình**  
Hai tay cài chéo ngoài  
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) đều duỗi thẳng  
Co lỏng trên hai ngón  
Giống như dạng mũi kiếm



Tim, trán, họng với đỉnh  
Đều tụng đây một biến  
**“An, nậu khư thử ná, đạm”**  
ॐ ॐ:॥ ॐ ॐ ॐ  
OM \_ DUḤKHA CCHEDA \_DHAM

**\_ Lại kết Ngũ Kế Ấn**

Khiến đầy đủ các Tướng

Giới (ngón vô danh trái) Tuệ (ngón út phải) với Đàn (ngón út trái) Phương (ngón vô danh phải)

Độ Tiến (ngón trở trái) Thiên (ngón cái trái) Lực (ngón trở phải) Trí (ngón cái phải)

Nhóm Nhấn Nguyệt (2 ngón giữa) đều hợp

Dạng Ấn như năm ngọn

Ấn tim, hai vai, hống

Sau cùng để trên đỉnh



Đây tên Ngũ Kế Ấn

Tụng Bản Chân Ngôn này

“**Năng mạc tam mạn đa một đà nam, a bát-la để hạ đa xá sa na nam. Đát nễ-  
dã tha: Ấn, la la, tam-ma la, a bát-la để hạ đa xá sa na nam, câu ma la, lộ bả đà lý  
nê, hồng, sa-phả tra, sa-phả tra, sa-phộc ha**”

ॐ: मम म व ह न स अ व ( न न ग वि म न न स  
न ह व न उ न र र म र स अ व ( न न ग वि म न न स कु म र व च व र म न ह  
न

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APRATIHATA-’SASANĀNĀM  
TADYATHĀ: OM \_ RA RA SMARA APRATIHATA-’SASANĀNĀM  
KUMĀRA-RŪPA- DHĀRAṆĪ \_ HŪM \_ SPHAṬ SPHAṬ SVĀHĀ

**\_ Tiếp kết Quán Đỉnh Ấn**

Hai tay hợp chưởng ấy

Thiên Trí (2 ngón cái) vào ở trong

Tiến Lực (2 ngón trở) dạng **Ma Ni** (Maṇi: viên ngọc)

Để trán, tụng Mật Ngữ

Tưởng Phật quán đỉnh Ta



“**Ấn, la đát-năng, cú xá, a ngật-lý-gia, hồng**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM \_ RATNA-KU'SA AGRYA HÙM

\_ Tiếp kết **Bảo Man Ấn**

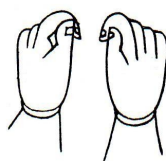
Ấn trước chia hai phần

Trước trán với sau đỉnh

Dùng Ấn quấn ba vòng

Trước từ Đản Tuệ (2 ngón út) mở

Như thế rũ dây đai



“**Ấn, la đát na, cú xá, a ngật-lý-gia, ma lệ**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM \_ RATNA-KU'SA AGRYA MÀLE

\_ Tiếp mặc Giáp bền chắc

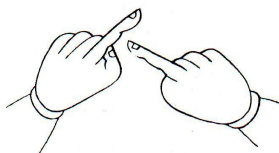
Hai tay Kim Cương Quyền

Giao duỗi độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)

**Ấn** (ॐ\_OM), **Châm** (ॐ\_TUM) tương mặt ngón

Sáng xanh lục chẳng dứt

Giống như rút tơ sen



Tim, lưng, rốn với eo

Hai gối với sau hông

Dần đến huyệt với đỉnh

Tiếp trán với sau đỉnh

Tiến Lực (2 ngón trỏ) quấn ba vòng

Trước từ Đản Tuệ (2 ngón út) buông

Hai tay rũ Thiên Y (áo khoác ngoài)

Đây tên **Từ Bi Giáp**

“**Ấn, phộc nhật-la, ca phộc chế, phộc nhật-la cú lô, phộc nhật-la, phộc nhật-ly, hàm**”

ॐ वज्रकवच वज्र कुरु वज्र वज्रि ह्र

\*) OM \_ VAJRA-KAVACE VAJRA KURU \_ VAJRA VAJRÌ \_ HÙM

\_ Tiếp ở tim tượng vẽ

Quán chữ **Đam** ( ॐ \_DHAM) làm Kiếm (cây kiếm)

Lại thành **Thế Bản Tôn**

Như lúc trước đã quán

Liên dùng **Câu Ấn** thỉnh

Hai tay Kim Cương Quyền

Đàn Tuệ (2 ngón út) móc ngược nhau

Thẳng Lực (ngón trỏ phải), co Tiến (ngón trỏ trái) vờ



“**Ấn, phộc nhật-lưỡng, cú xá, nhược**”

ॐ वज्रकुलि ऋ

OM – VAJRA-AMKU'SA\_ JAH

\_ Tiếp dùng **Sách Ấn** vào

Tướng Ấn đồng lúc trước

Chỉ dùng **Độ Tiến Lực** (2 ngón trỏ)

Trụ nhau như cái vòng



“**Ấn, phộc nhật-la, ba xá, hồng**”

ॐ वज्र पाँ ह्र

OM – VAJRA-PÀ'SA\_ HÙM

\_ Tiếp dùng **Toả Ấn** dừng

Hai tay Kim Cương Quyền

Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc khoá  
Dùng dây, hay dùng trụ



“**Ấn, phộc nhật-la, tát-phổ tra, hàm**”

ॐ वज्र स्फोट इ

OM – VAJRA-SPHOTA\_ VAM

\_ Tiếp dùng **Khánh Ấn** vui

Lại dùng Ấn lúc trước

Độ Đàn Tuệ (2 ngón út) Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Mỗi mỗi móc ngược nhau



“**Ấn, phộc nhật-la, kiện trà, hộc**”

ॐ वज्र चक्र ः

OM – VAJRA-GHAMTA\_ HOH

\_ Tiếp nên **hiến Ất Già**

Diệu khí đầy nước thơm

Kèm để hoa vi diệu

Nâng đến trán để hiến



“**Ấn, phộc nhật-lộ ná ca sách**”

ॐ वज्र रुद्र ॐ

OM \_ VAJRA-UDAKA THAH

\_ Tiếp kến **bốn Nội Cúng**

**Biến Chiêu Tôn** (Vairocana) hoá hiện

**Ma Ha La Đề Nữ** (Mahà-rati)

Vui thích hiến chư Thánh

Hai tay Kim Cương Phộc

Kèm Thiên Trí (2 ngón cái) rồi duỗi



Quán mây **Diệu Kỹ Nữ**

Tràn đầy mười phương cõi

“**Án, ma ha la đề**”

ॐ म ह र ति

OM – MAHÀ RATI

\_ Tiếp dùng **Man Ấn** hiến

Duỗi Tý (cánh tay), nâng phía trước



Quán mây **Diệu Bảo Man** (vòng hoa báu màu nhiệm)

Tràn đầy hư không giới

“**Án, lộ ba thú tỳ**”

ॐ रू पा भे

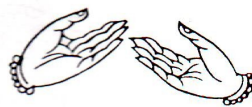
OM – RÙPA ‘SOBHE

\_ Tiếp kết **Ca Vịnh Ấn**

Dùng dây để cúng dường

Ấn trước từ lỗ rốn

Dẫn lên đến miệng, buông



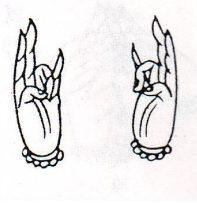
Tưởng âm **Khẩn Na La** (Kimnara)

Cúng dường các chúng Thánh  
“**Án, thú-lô đát-la táo xí-duệ**”

ॐ ऋषि ऋष्य

OM – ‘SOTRA SAUKHYE

\_ Tiếp dùng **Vũ Cúng Dường**  
Dâng hiến Thánh mười phương  
Hai tay Kim Cương Quyền  
Chuyển phải, bung trên đỉnh

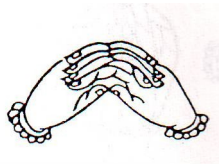


Tưởng mây **Diệu Kỹ Nhạc**  
Tràn khắp các Thế Giới  
“**Án, tát phộc bồ nhi-duệ**”

ॐ स्रष्टु

OM –SARVA PUNYE

\_ Tiếp dùng **Phần Hương Ấn**  
Xông khắp các Thế Giới  
Kim Cương Phộc buông xuống  
Mây hương khắp Pháp Giới



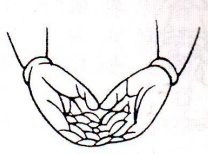
“**Án, phộc nhật-la, độ bế**”

ॐ वज्रधुप

OM\_ VAJRA-DHÙPE

\_ Tiếp dùng **Tán Hoa Ấn**  
Trang nghiêm các Thế Giới  
Kim Cương Phộc, bung lên  
Lưỡi hoa khắp hư không





**“An, phộc nhật-la, bồ sáp bế”**

**ॐ वज्र पुष्पे**

OM \_ VAJRA-PUSPE

\_ Tiếp hiến **Trí Đăng Ấn**

Đốt cháy các U Minh

Thiền Trí (2 ngón cái) cùng ép nhau

Khắp Trí Tuệ Quang này



**“An, phộc nhật-la, lỗ kế”**

**ॐ वज्र लोके**

OM \_ VAJRA-ÀLOKE

\_ Tiếp hiến **Đồ Hương Ấn**

Ngang nhục, thế xoa hương

Dùng mây hương giải thoát

Tịnh khắp các chúng sinh



**“An, phộc nhật-la, hiến đề”**

**ॐ वज्र गन्धे**

OM \_ VAJRA-GANDHE

\_ **Nội Ngoại Cúng Dường** xong

Thứ tự nên thuận niệm

**Kết Bí Căn Bản Ấn**



### Tụng Bách Tự Chân Ngôn

“An, khiết lý-nga tát đất-phộc, tham ma gia ma nỗ bá la dã, khiết lý-nga tát đất-phộc, đất vĩ nỗ bả để sắt-xá, niết lý-trụ minh bà phộc, tố đổ sắt-dụ minh bà phộc, a nô la cật-đô my bà phộc, tố bổ sắt-dụ my bà phộc, tát bà tất địa nhĩ, bát-la dã sai, tát phộc yết ma tố giả my, chỉ đa, thất-lợi được cú lỗ, hồng, ha, ha, ha, ha, hộc, bà nga phạm, tát phộc đất tha nghiệt đa, khát lật-nga, ma, my, muộn giả, khát lật-nghe bà phộc, ma ha tam ma gia, tát đất-phộc, Ác “

ॐ ऋषिसर्व सम्यक्पर्वय ऋषिसर्व वृषपक्षे कृष्ण मन्त्र शुभं  
मन्त्र मन्त्र [कु मन्त्र शुभं मन्त्र सर्व (सङ्ग) म प्रयत्न सर्वकर्म सु  
म विव श्रियं कुं ॐ कुरुकुरुकुरुः मन्त्रं सर्व गणगण ऋषि म म सुव ऋ  
षि मन्त्र मन्त्र सम्यक्सर्व ॐ

OM –KHADGA-SATVA SAMAYAM ANUPÀLAYA – KHADGA-SATVA TVENA UPATIṢṬA – DṚDHO ME BHAVA- SUTOṢYO ME BHAVA- ANURAKTO ME BHAVA- SUPUṢYO ME BHAVA \_ SARVA SIDDHIM ME PRAYACCHA SARVA KARMASU CA ME CITTA ‘SRÌYAM KURU HUM HA HA HA HA HOḤ – BHAGAVAM – SARVA TATHÀGATA KHADGA, MÀ ME MUMCA \_KHADGÌ BHAVA-MAHÀ SAMAYA SATVA- ÀḤ

- \_ Chưởng giải **Căn Bản Ấn**
- Liên xưng xong, niệm **Minh** (vidya)
- “A la bả giả ná”
- म [ प र न**
- A RA PA CA NA
- \_ Pháp **Niệm** có bốn loại
- Một là **Tam Ma Địa** (Samàdhi)
- Là quán Minh đã niệm
- Miệng Bản Tôn tuôn ra
- Tuỳ *quang* (ánh sáng) vào miệng Ta
- Xoay phải bày trắng tim
- Như dùng ngọc thuỷ tinh
- Bày ở trên gương sáng

A (𑖀\_A) nghĩa là **không sinh**  
LA (𑖀\_RA) nghĩa **không bụi nhiễm**  
BẢ (𑖀\_PA) **Vô** (không có) **Đệ Nhất Nghĩa** (Paramàrtha)  
Các Pháp Tính bình đẳng  
GIẢ (𑖀\_CA) **không có các hành** (Samskàra)  
NÁ (𑖀\_NA) nghĩa **không Tính Tướng**  
Năm câu tuy sai khác  
Tính ấy không có hai  
Tâm cùng với Tính, hợp  
Chẳng cần nặng phân biệt  
Phật đã khen, *không nghĩ*  
*Không nghĩ cũng chẳng nghĩ*  
*Chẳng nghĩ, nghĩ, nghĩ xong*  
*Cho đến Đà La Ni*  
Nghĩa bốn câu như vậy  
Tuỳ thuận **Khế Kinh** (Sùtra) nói

\_ Hai là **Ngôn Âm Niệm**  
Y trước, quán các chữ  
Lìa cao, thấp, chậm, gấp  
Âm thế (thế của âm tiếng) như lắc chuông  
\_ Ba là **Kim Cương Niệm**  
Y trước vào **Tự Quán** (quán chữ)  
Hợp chặt môi với răng  
Khiến cho lưỡi hơi động  
\_ Bốn là **Giáng Ma Niệm**  
Dùng Tâm Bi làm gốc  
Ngoài hiện tướng uy nộ  
Cau mày, tiếng găng sức

\_ Bốn loại tuy sai khác  
Một niệm làm không hai  
\_ Hai tay cầm tràng hạt  
Bồ Đề với hạt sen  
Nên dùng **Liên Hoa Ấn**  
Hoặc trụ **Thuyết Pháp Ấn**  
Sớm (Mão), trưa (ngọ), chiều (dậu), nửa đêm (tý)  
Bốn Thời làm *định chuẩn*

\_ Pháp này đứng bậc nhất  
Cùng tốt trong bí mật  
Chẳng nên tiếc thân mạng  
Một lòng y **liễu nghĩa**  
Người thuận **Lý** tu hành  
Người trụ ở **Thiền Hành**  
Cần phải quán Pháp này  
Vì khởi Tam Muội, dùng  
Mau chóng được **Chủng Trí**  
Người Căn Tính thấp kém  
Kẻ si ái, tạp loạn  
Cũng khuyên tu Pháp này  
Để tiêu **Phiền Nã Chương**  
Nhập vào Trí vắng lặng

\_ Hạn số kết thúc xong  
Lại hiển nước At Già  
Nên dùng Tâm vui vẻ  
Diệu Âm tụng **Tán Thán**  
Lại bày **tám Cúng Dường**  
Luyện mộ mà phụng hiến  
Kết **Bí Căn Bản Ấn**



Từ Tim, bung trên đỉnh  
Tưởng Tôn trong hư không  
Lại quay về Bản Cung  
“**Ấn, phộc nhật-la, để khát-sắt-noa, mục**”  
**ॐ ॠ ॡ ॢ ॣ । ॥**  
OM – VAJRA-TIKṢṆA \_MUḤ

\_ Người trụ Tam Muội này  
Tối Tôn không có trên

Trừ Phật với Bồ Tát  
Không người (nào) đáng yêu kính

\_ Muốn tùy thuận Thế Gian  
Hiện nơi người lễ kính  
Nên quán đầu người ấy  
Có tướng Phật Bồ Tát  
Tụng **Bách Tự Chân Ngôn**  
Chỗ bí mật trong Pháp  
Tâm muốn có tán loạn  
Cần phải ngằm xưng tụng

\_ Xưa ở trước Đại Sư  
Miệng truyền **thiết yếu** đấy  
Sức ngu, chẳng thể thuật  
Như giọt nước trong biển  
Sợ trái ngược Đại Thánh  
Ôm sợ hãi, run rẩy  
Giống như người ngu kém  
Tay hiến chút Cam Lô  
Chớ nên dùng khinh bỉ  
Dâng thuốc, không công hiệu  
**Hình Dã Can, La Sát**  
Vì Pháp nên ứng chịu

\_ Nguyên đem Công Đức này  
Giác khắp các Quần Hữu  
Ta được là **lưới đời**  
Tùy **Thuyết** mà tu tập

NGŨ TỰ ĐÀ LA NI TỤNG  
\_Hết\_

29/05/2011